TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2020/HSST
Ngày: 20-11-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đình Đồng và ông Nguyễn Thanh Hải.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Khắc Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2020/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T, sinh năm 1992 tại huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn V, xã M, huyện Tứ Ký, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không xác định được) và bà Nguyễn Thị C; chưa có vợ và con; tiền án: Tại bản án số 36/HSST ngày 10/7/2018, TAND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản". Bị tạm giam từ ngày 19-8-2020 đến nay (*hiện đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Hải Dương)*. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T:* Bà Nguyễn Thị Ư- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Chị Vũ Thị D, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 và anh Tiêu Văn H, sinh năm 1976; đều trú tại: Khu L, thị trấn T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng:

Chị Bùi Thị L, sinh năm 1982; anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1995.

Đều trú tại: Thôn M, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Anh Đặng Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Anh Kiều Văn T, sinh năm 1994 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1958.

Đều trú tại: Thôn V, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu dân cư số 5, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

(Anh H có đơn xin xét xử , chị L có mặt; bà C có mặt, những người làm chứng khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên Nguyễn Minh T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản tại địa bàn huyện Tứ Kỳ vào các ngày 07/5/2020, ngày 09/5/2020 và ngày 27/7/2020, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 8 giờ ngày 07/5/2020 T thấy gia đình nhà bà Nguyễn Thị L hàng xóm không có ai ở nhà, đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T trèo tường vào nhà bà L. Dùng 01 chiếc kéo bằng kim loại dài 21,5cm, đã han rỉ, đuôi kéo được bọc lớp nhựa màu xanh, treo tại giá để đồ gần vị trí cửa, cầm trên tay phải, đưa mũi kéo qua khe cửa, kẹp mũi kéo vào chốt phía bên trong, đẩy chốt để mở cửa phía sau nhà bà L. Mở được cửa, T để kéo về vị trí cũ, rồi vào trong nhà, đi lên phòng để đồ, thấy 01 tủ tôn *(loại tủ đựng quần áo),* kích thước (170x82x 43)cm, sơn màu nâu, đặt tại góc bên phải, sát tường. Tủ không khóa nên T mở cánh tủ, thấy góc bên trái có 01 túi vải màu đen, túi có 02 dây xách được buộc lại với nhau. T liền lấy túi vải để xuống nền nhà tháo dây, thấy bên trong có 01 ví da, kích thước (15x 10)cm, màu nâu xám, loại ví có 02 ngăn. T kéo khóa ngăn chính, thấy bên trong có hai cọc tiền buộc bằng chun: Một cọc có mệnh giá 500.000đồng; 01 cọc có mệnh giá 100.000đồng. T lấy trong cọc tiền mệnh giá 500.000đồng số tiền 9.000.000đồng, lấy trong cọc tiền mệnh giá 100.000 đồng số tiền 1.000.000 đồng. T lấy số tiền 10.000.000 đồng cất giấu vào túi quần đang mặc rồi cất ví, túi vải vào vị trí cũ. T ra ngoài theo lối cũ, lấy chiếc kéo lúc đầu dùng mở cửa, đóng chốt cửa lại, trèo qua tường về nhà. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 08/5/2020 T đến cửa hàng điện thoại Thanh Xuân tại khu vực ngã tư máy sứ thành phố Hải Dương của anh T mua 01 chiếc điện thoại I Phone 6s màu bạc, dung lượng 32GB với giá 2.500.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 7 giờ ngày 09/5/2020 sau khi thấy bà Nguyễn Thị L đi đến nhà chị Bùi Thị L *(con gái bà L, cách nhà bà L khoảng 100m),* T tiếp tục nảy sinh ý định lén lút chiếm đoạt tài sản. Với hành vi thủ đoạn như lần trước, T lấy ví da bên trong tủ tôn quần áo thì thấy trong ví có 03 cọc tiền: Một cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 cọc tiền mệnh giá 200.000 đồng, 01 cọc tiền mệnh giá 100.000 đồng. T lấy trong cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó cho số tiền 3.000.000 đồng vào túi quần và cất ví tiền vào vị trí cũ. T ra khỏi nhà bà L theo lối cũ, lấy chiếc kéo để đóng chốt cửa, trèo tường bao về nhà. Khoảng 16 giờ ngày 09/5/2020 T mua 1.000.000 đồng quần áo tại cửa hàng quần áo shop Men ở thị trấn T. Tối cùng ngày T đưa cho bà C là mẹ đẻ số tiền 1.000.000 đồng nói tiền làm công. Số tiền còn lại T chi tiêu cá nhân hết, do hết tiền T đã bán chiếc điện thoại I Phone 6s màu bạc, dung lượng 32GB cho một người không rõ tên, tuổi địa chỉ được 2.000.000 đồng và chi tiêu hết số tiền này, quần áo bị cáo mua đã bị rách nên đã vất đi.

Vụ thứ ba: Khoảng 16 giờ ngày 27/7/2020, T gặp anh Đặng Văn T nên hỏi mượn anh T xe mô tô hiệu YAMAHA, loại sirius, BKS: 34B3- 71288. T điều khiển xe mô tô đến nhà bà Vũ Thị D tìm bạn là H (con trai bà D). Đến nhà bà D, T mới biết H đã chết. T vào phòng khách thắp hương cho H. Phát hiện trên bàn thờ có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam sung, loại Galaxy M20 màu xám nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp *(điện thoại của H, sau khi Huyên mất bà D quản lý sử dụng để trên bàn thờ).* T lén lút cầm điện thoại cho vào túi quần phía trước bên trái rồi điều khiển xe ra khỏi nhà bà D. T điều khiển xe máy đến quán điện thoại H ở khu L, thị trấn T, huyện Tứ Kỳ, cầm cố chiếc điện thoại vừa trộm cắp cho chị Nguyễn Thị L được số tiền 500.000 đồng. T điều đi xe máy về trả cho anh Đặng Văn T, sử dụng số tiền cầm cố điện thoại tiêu sài cá nhân hết. Sáng ngày 28/7/2020 T tiếp tục đến cửa hàng điện thoại H, gặp anh Tiêu Văn H (chồng chị L) nói bán chiếc điện thoại cầm cố trước đó với giá 800.000 đồng, anh H đồng ý và đưa thêm cho T số tiền 300.000 đồng. T đã sử dụng số tiền trên vào tiêu sài cá nhân.

Ngày 31/7/2020, bà Vũ Thị D có đơn trình báo đến Công an huyện Tứ Kỳ về việc mất trộm tài sản

Ngày 01/8/2020 anh Tiêu Văn H đã giao nộp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy M20 màu xám cho cơ quan CSĐT Công an huyện Tứ Kỳ.

Ngày 31/7/2020, bà Vũ Thị D có đơn trình báo đến Công an huyện Tứ Kỳ về việc mất trộm tài sản)

Tại Kết luận định giá tài sản số 29/KL- ĐGTS gày 04/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện Tứ Kỳ kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy M20, màu xám, tại thời điểm ngày 27/7/2020 có giá trị 2.300.000 đồng *(hai triệu ba trăm nghìn đồng)*

Tại bản Cáo trạng số: 84/CT- VKSTK ngày 30/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Tứ Kỳ truy tố Nguyễn Minh T về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố của VKSND huyện Tứ Kỳ là đúng, bị cáo xác định đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà L hai lần vào các ngày 07/5/2020 và ngày 09/5/2020 tổng số tiền chiếm đoạt là 13.000.000 đồng. Ngày 27/7/2020 đã thực hiện hành vi trộm cắp của chị D chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung, loại Gala xy M20, màu xám trị giá 2.300.000 đồng. Tổng trị giá T chiếm đoạt là 15.300.000 đồng và đề nghị HDXX xem xét xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo T đề nghị: Áp dụng điểm khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của BLHS đề nghị HĐXX xử bị cáo mức án thấp nhất.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Vũ Thị D xác định đã nhận được chiếc điện thoại do T chiếm đoạt không có yêu cầu gì thêm, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt đối với T.

Bà L là người bị hại đề nghị bị cáo phải trả số tiền 12.000.000 đồng, do bị cáo chiếm đoạt, về hình phạt đề nghị HĐXX xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Anh Tiêu Văn H và chị Nguyễn Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Yêu cầu T phải trả cho vợ chồng chị số tiền 800.000 đồng.

Anh Kiều Văn T là người làm chứng vắng mặt, có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ xác định: Anh có cửa hàng bán điện thoại, vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 08/5/2020, anh có bán cho T chiếc điện thoại Iphone 6s dung lượng 32GB với giá 2.500.000đồng, anh không biết T dùng tiền phạm tội mà có để mua điện thoại của anh.

Anh Nguyễn Hữu T là người làm chứng vắng mặt, có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ xác định: Anh có cửa hàng bán quần áo ở thị trấn Tứ Kỳ, vào khoảng 16 giờ ngày 09/5/2020 anh có bán cho T một số quần áo trị giá 1.000.000 đồng, anh không biết T dùng tiền phạm tội mà có để mua.

Bà Nguyễn Thị C là người làm chứng có mặt trình bày: Tối ngày 09/5/2020 T có đưa cho bà 1.000.000 đồng nói là tiền đi làm, bà không biết số tiền này do T phạm tội mà có, sau đó bà đã giao nộp cho cơ quan điều tra để trả lại cho bị hại.

VKSND huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của BLHS; các điều 584, 585 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 BLHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt bị cáo T từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 19/8/2020. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng và trả cho anh Tiêu Văn H và chị Nguyễn Thị L số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng; Về án phí: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự đối với bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cũng như các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên trong các ngày 07/5/2020, ngày 09/5/2020 tại gia đình bà Nguyễn Thị L ở thôn V, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương Nguyễn Minh T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 13.000.000 đồng của bà L; Ngày 27/7/2020 tại gia đình nhà chị Vũ Thị D ở thôn M, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương Nguyễn Minh T đã có hành vi chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy M20, màu xám trị giá 2.300.000 đồng. Tổng trị giá T chiếm đoạt là 15.300.000 đồng.

[3] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật song vẫn cố ý thực hiện, tài sản bị cáo chiếm đoạt là

15.300.000 đồng, nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Như vậy, Quyết định truy tố của VKSND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đối với bị cáo là hoàn toàn đúng.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, một khách thể được Bộ luật Hình sự bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự nên cần phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại bản án số 36/2018/HSST ngày 10-7-2018 TAND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản", đã chấp hành xong các nghĩa vụ của bản án, ngày 17-02-2020 T chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ, tính đến ngày 07/5/2020 T phạm tội chưa được xóa án án tích, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. T đã 03 lần thực hiện trộm cắp của hai gia đình trên địa bàn huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương giá trị mỗi lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hường thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Chị D đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm; Bà L yêu cầu T phải bồi thường số tiền 12.000.000 đồng do T chiếm đoạt, vợ chồng chị L, anh H yêu cầu T trả số tiền 800.000 đồng tiền đã bỏ ra cầm cố, mua chiếc điện thoại do T trộm cắp của chị D; nên buộc T phải bồi thường cho bà L, vợ chồng chị L số tiền trên.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 USB loại 16 G màu đen chứa 02 video được quản lý theo hồ sơ vụ án; Chiếc ví da, loại 2 ngăn có khóa kéo, màu nâu, kích thước (15x10) cm, 01 túi màu đen, loại túi vải, kích thước (32x18x35) cm; 01 chiếc kéo bằng kim loại dài 21,5 cm, mũi kéo dài 12 cm; quai kéo được bọc lớp vỏ nhựa màu xanh đã bị bong chóc do bà L giao nộp; số tiền 1.000.000 đồng do bà C giao nộp; Cơ quan CSĐT công

an đã trả cho bà L là chủ sở hữu các tài sản trên là đúng pháp luật; Chị D đã nhận chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy M20 màu xám, không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết.

[10] Trong vụ án này, anh Đặng Văn T cho T mượn xe mô tô, anh Kiều Văn T, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị L, anh Tiêu Văn H, anh Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị C đều không biết T sử dụng phương tiện để đi trộm cắp, không biết T dùng tiền và đồ vật do phạm tội mà có để mua tài sản vật dụng nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[11] Về án phí: Bị cáo T thuộc hộ cận nghèo nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của BLHS; các điều 584, 585 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 BLHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 18 (mười tám) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 19/8/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng và trả cho anh Tiêu Văn H, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; đều trú tại: Khu L, thị trấn T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm thi hành khoản tiền đã tuyên ở trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh T được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết; người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền

lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan Thi hành án HS - Công an huyện Tứ Kỳ;
- Bộ phận Hồ sơ nghiệp vụ - Công an huyện Tứ Kỳ;
- Trại tạm giam;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tú